

Chương 4

CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

4.1. ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

4.1.1. Lý luận của V.I.Lênin về độc quyền trong nền kinh tế thị trường

4.1.1.1. Nguyên nhân hình thành độc quyền trong nền kinh tế thị trường

Nghiên cứu chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, C.Mác và Ph.Ăngghen đã dự báo rằng: cạnh tranh tự do dẫn tới tích tụ và tập trung sản xuất, tích tụ và tập trung sản xuất phát triển đến một mức nào đó sẽ dẫn đến độc quyền.

Vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác vào điều kiện lịch sử mới của thế giới, V.I.Lênin đã chứng minh rằng chủ nghĩa tư bản đã chuyển từ tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền, đồng thời chỉ rõ năm đặc điểm kinh tế chủ yếu và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền. Độc quyền xuất hiện vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa do những nguyên nhân chủ yếu sau:

Thứ nhất, sự phát triển của lực lượng sản xuất dưới tác động của tiến bộ khoa học kỹ thuật đẩy nhanh quá trình tích tụ và tập trung sản xuất, hình thành các xí nghiệp có quy mô lớn.

Thứ hai, vào 30 năm cuối của thế kỷ XIX, những thành tựu khoa học kỹ thuật mới xuất hiện như lò luyện kim mới đã tạo ra sản lượng lớn gang thép với chất lượng cao; phát hiện ra hoá chất mới như axit sunphuaric (H_2SO_4), thuốc nhuộm...; máy móc mới ra đời: động cơ điêzen, máy phát điện, máy tiện, máy phay...; phát triển những phương tiện vận tải mới: xe hơi, tàu thủy, xe điện, máy bay...và đặc biệt là đường sắt. Những thành tựu khoa học kỹ thuật này, một mặt làm xuất hiện những ngành sản xuất mới đòi hỏi xí nghiệp phải có quy mô lớn; mặt khác, nó dẫn đến tăng năng suất lao động, tăng khả năng tích lũy tư bản, thúc đẩy phát triển sản xuất lớn.

Thứ ba, trong điều kiện phát triển của khoa học kỹ thuật, sự tác động của các quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản như quy luật giá trị thặng dư, quy luật tích lũy... ngày càng mạnh mẽ, làm biến đổi cơ cấu kinh tế của xã hội tư bản theo hướng tập trung sản xuất quy mô lớn.

Thứ tư, cạnh tranh khốc liệt buộc các nhà tư bản phải tích cực cải tiến kỹ thuật, tăng quy mô tích lũy để thắng thế trong cạnh tranh. Đồng thời, cạnh tranh gay gắt làm cho các nhà tư bản vừa và nhỏ bị phá sản, còn các nhà tư bản lớn phát tài, làm giàu với số tư bản tập trung và quy mô xí nghiệp ngày càng to lớn.

Thứ năm, cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1873 trong toàn bộ thế giới tư bản chủ nghĩa làm phá sản hàng loạt xí nghiệp vừa và nhỏ, thúc đẩy nhanh chóng quá trình tích tụ và tập trung tư bản.

Thứ sáu, sự phát triển của hệ thống tín dụng tư bản chủ nghĩa trở thành đòn bẩy mạnh mẽ thúc đẩy tập trung sản xuất, nhất là việc hình thành các công ty cổ phần, tạo tiền đề cho sự ra đời của các tổ chức độc quyền.

Từ những nguyên nhân trên, V.I.Lênin khẳng định: “...cạnh tranh tự do đẻ ra tập trung sản xuất và sự tập trung sản xuất này, khi phát triển tới một mức độ nhất định, lại dẫn tới độc quyền”³.

Độc quyền là sự liên minh giữa các doanh nghiệp lớn, nắm trong tay phần lớn việc sản xuất và tiêu thụ một số loại hàng hóa, có khả năng định ra giá cả độc quyền, nhằm thu lợi nhuận độc quyền cao.

4.1.1.2. Những đặc điểm kinh tế cơ bản của độc quyền trong nền kinh tế thị trường

❖ Tập trung sản xuất và các tổ chức độc quyền

• Tập trung sản xuất

Tập trung sản xuất là tăng thêm quy mô của sản xuất bằng cách kết hợp nhiều xí nghiệp nhỏ thành xí nghiệp lớn.

Tập trung sản xuất là vấn đề mang tính quy luật từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn. Nhưng chỉ đến cuối thế kỷ XIX thì quá trình tập trung sản xuất mới diễn ra mạnh mẽ. Nguyên nhân dẫn đến quá trình tập trung sản xuất mới diễn ra mạnh mẽ do:

Thứ nhất, sự tiến bộ của khoa học - kỹ thuật đã thúc đẩy sản xuất phát triển, tăng năng suất lao động, tư bản thu được nhiều giá trị thặng dư, dẫn đến tích lũy tư bản tăng, do đó tích tụ tư bản và tập trung tư bản tăng lên.

Thứ hai, sản xuất tăng làm cho cạnh tranh tự do diễn ra gay gắt, từ đó làm cho tập trung sản xuất diễn ra mạnh mẽ. Nhất là sau cuộc khủng hoảng kinh tế 1873 và 1900 - 1903 góp phần đẩy nhanh hơn nữa quá trình tập trung sản xuất.

Ví dụ, ở Đức vào cuối thế kỷ đầu thế kỷ XX, tổng số có 3.265.623 xí nghiệp, trong đó số xí nghiệp lớn là 30.588 xí nghiệp, chiếm 0.9 %. Các xí nghiệp lớn này sử dụng 5,7 triệu công nhân trong tổng số 14,4 triệu công nhân chiếm 39,4%; dùng 6,6 triệu mã lực hơi nước trong tổng số 8,8 triệu mã lực chiếm 75,3%. Dùng 1,2 triệu kw điện trong tổng số 1,5 triệu kw điện chiếm 77,2%.

Tập trung sản xuất phát triển dẫn tới độc quyền, vì:

Thứ nhất, do tập trung sản xuất nên trong mỗi ngành chỉ có một số xí nghiệp kèch xù nắm đại bộ phận sản xuất của ngành đó nên các xí nghiệp này dễ dàng thỏa hiệp, liên minh với nhau.

³ V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005,t27,tr 402

Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường

Thứ hai, do quy mô xí nghiệp lớn, cấu tạo hữu cơ của các xí nghiệp này cao, do đó việc chuyển dịch tư bản trở nên khó khăn hơn, cạnh tranh tự do gay gắt hơn. Vì vậy, các xí nghiệp lớn liên kết lại với nhau hình thành các tổ chức độc quyền.

Tổ chức độc quyền là hình thức vận động mới của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, trong đó sở hữu tư bản mang tính chất tập thể; phương pháp quản lý sản xuất và phân phối sản phẩm có nhiều biến đổi mới. Các nhà tư bản liên minh với nhau dưới nhiều hình thức khác nhau trong đó hình thức chủ yếu là góp vốn để thành lập một tư bản khổng lồ, với số vốn khổng lồ đó các nhà tư bản độc quyền dễ dàng đánh bại các nhà tư bản khác, kiểm soát, thao túng thị trường và giá cả.

- *Các hình thức tồn tại của độc quyền*

Các tổ chức độc quyền ra đời, tồn tại và phát triển dưới nhiều hình thức khác nhau từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ một ngành đến đa ngành.

Cácten là hình thức tổ chức độc quyền giữa các nhà tư bản ký hiệp nghị thoả thuận với nhau về giá cả, quy mô sản lượng, thị trường tiêu thụ, kỳ hạn thanh toán... Các nhà tư bản tham gia cácten vẫn độc lập về sản xuất và thương nghiệp. Họ chỉ cam kết làm đúng hiệp nghị, nếu làm sai sẽ bị phạt tiền theo quy định của hiệp nghị. Vì vậy, cácten là liên minh độc quyền không vững chắc. Trong nhiều trường hợp, những thành viên thấy ở vào vị trí bất lợi đã rút ra khỏi cácten, làm cho cácten thường tan vỡ trước kỳ hạn.

Xanhđica là hình thức tổ chức độc quyền cao hơn, ổn định hơn cácten. Các xí nghiệp tham gia xanhđica vẫn giữ độc lập về sản xuất, chỉ mất độc lập về lưu thông: mọi việc mua - bán do một ban quản trị chung của xanhđica đảm nhận. Mục đích của xanhđica là thống nhất đầu mối mua và bán để mua nguyên liệu với giá rẻ, bán hàng hoá với giá đắt nhằm thu lợi nhuận độc quyền cao.

Tờrót là một hình thức độc quyền cao hơn cácten và xanhđica, nhằm thống nhất cả việc sản xuất, tiêu thụ, tài vụ đều do một ban quản trị quản lý. Các nhà tư bản thành viên tham gia tờrót hoàn toàn mất độc lập về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm do Hội đồng quản trị tự đảm nhiệm. Tờrót nó mang hình thức công ty cổ phần, các nhà tư bản thành viên tham gia tờrót trở thành những cổ đông thu lợi nhuận theo số lượng cổ phần.

Côngxoócxiom là hình thức tổ chức độc quyền có trình độ và quy mô lớn hơn các hình thức độc quyền trên và hoàn thiện dựa trên cơ sở liên kết hỗn hợp (liên kết dọc). Tham gia côngxoócxiom không chỉ có các nhà tư bản lớn mà còn có cả các xanhđica, tờrót, thuộc các ngành khác nhau nhưng liên quan với nhau về kinh tế, kỹ thuật. Với kiểu liên kết dọc như vậy, một côngxoócxiom có thể có hàng trăm xí nghiệp liên kết trên cơ sở hoàn toàn phụ thuộc về tài chính vào một nhóm tư bản kénh sù. Mặt khác, nhờ liên kết dọc, mà một côngxoócxiom chiếm lĩnh và khống chế được cả thị trường đầu vào và đầu ra của sản xuất, lựa chọn được nơi đầu tư có lợi để thu lợi nhuận độc quyền cao.

Sự phát triển của các hình thức tổ chức độc quyền chính là biểu hiện sự phát triển ngày càng cao của độc quyền. Tùy thuộc vào trình độ tập trung và tích tụ tư bản trong những điều kiện cụ thể, những hình thức độc quyền nói trên có mức độ phổ biến khác nhau giữa các nước. Ví dụ, cácten là hình thức phổ biến ở Đức; xanđica ở Pháp và Nga; torót ở Mỹ.

• *Biểu hiện mới của các tổ chức độc quyền trong giai đoạn hiện nay*

Thứ nhất, từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, độc quyền có những biểu hiện mới cả về hình thức, cơ cấu và cơ chế. Do sự phát triển của lực lượng sản xuất, khoa học, công nghệ đã dẫn tới quá trình hình thành những liên kết giữa các độc quyền theo cả hai chiều: dọc và ngang; trong nước và ngoài nước. Từ đó, dẫn tới sự ra đời của hình thức tổ chức độc quyền mới vào những năm 60 của thế kỷ XX. Đó là các Concern (Conson) và các Conglomerate (Công-gơ-lô-mê-rét).

Concern là tổ chức độc quyền đa ngành, bao gồm hàng trăm xí nghiệp có quan hệ với những ngành khác nhau và được phân bố ở nhiều nước. Ví dụ: Vào những năm cuối của thế kỷ XX, trong số 500 công ty lớn nhất ở Mỹ có tới 94% là loại concern. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến liên kết đa ngành là trong điều kiện cạnh tranh gay gắt giữa các độc quyền và sự biến động mau lẹ của thị trường thì việc kinh doanh chuyên môn hóa hẹp dễ bị phá sản, trái lại, việc kinh doanh tổng hợp tạo điều kiện di chuyển vốn vào những lĩnh vực có lợi nhuận cao, lấy lãi ở ngành này bù cho ngành khác đang gặp khó khăn. Bên cạnh đó, hình thức độc quyền đa ngành còn là kết quả của sự thích ứng, thay thế của torót để đối phó với Luật Chống độc quyền ở hầu hết các nước tư bản chủ nghĩa.

Conglomerate là hình thức tổ chức độc quyền xuất hiện từ những năm 1960. Đó là sự kết hợp vài ba chục hãng vừa và nhỏ không có bất kỳ sự liên quan nào về sản xuất hoặc dịch vụ cho sản xuất. Mục tiêu của của conglomerate là chiếm đoạt lợi nhuận bằng kinh doanh chứng khoán. Do vậy, phần lớn các conglomerate dễ bị phá sản nhanh hoặc chuyển thành các concern. Tuy nhiên, một bộ phận các conglomerate vẫn tồn tại vững chắc bằng cách kinh doanh phương tiện tài chính trong những điều kiện thường xuyên biến động của nền kinh tế thế giới.

Thứ hai, ở các nước tư bản phát triển hiện nay, bên cạnh các tổ chức độc quyền lớn, ngày càng xuất hiện nhiều doanh nghiệp (công ty, hãng) vừa và nhỏ có vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Sự phát triển nhiều các doanh nghiệp vừa và nhỏ là do:

Những doanh nghiệp vừa và nhỏ có những thế mạnh của nó như: nhạy cảm với thay đổi trong sản xuất, linh hoạt ứng phó với tình hình biến động của thị trường. Có thể mạnh dạn đầu tư vào những ngành mới đòi hỏi sự mạo hiểm, kể cả những ngành lúc đầu ít lợi nhuận và những ngành sản phẩm đáp ứng nhu cầu cá biệt. Dễ dàng đổi mới trang bị kỹ thuật mà không cần nhiều đến chi phí bổ sung, do đó giảm mức rủi ro. Trong khi đó, ngày nay, thời gian tồn tại của một mặt hàng ngắn hơn thời gian tồn tại của thể hệ máy móc sản xuất ra nó, vì vậy đòi hỏi phải khấu hao và đổi mới thiết bị nhanh chóng. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể kết hợp hợp lý giữa

Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường

tự động hóa, cơ khí hóa với lao động thủ công; có thể sản xuất những sản phẩm chất lượng cao trong điều kiện kết cấu hạ tầng kém.

Trong sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp vừa và nhỏ thiếu vốn kinh doanh, thiếu thông tin về tình hình thị trường, thiếu chuyên gia có trình độ cao... nên phải lệ thuộc vào concern và conglomerate ở những mặt nói trên. Sự kiểm soát của độc quyền được thực hiện dưới những hình thức mới thông qua quan hệ hợp tác giữa tư bản độc quyền lớn với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trong khi duy trì tính độc lập của mình về tư cách pháp nhân, về sở hữu, các doanh nghiệp vừa và nhỏ phụ thuộc vào các độc quyền lớn về điều kiện vay vốn, tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, nhận sản xuất hoặc tiêu thụ sản phẩm cho các độc quyền lớn, hình thành hệ thống gia công. Hệ thống này cho phép độc quyền lớn tiết kiệm chi phí sản xuất, có thể đầu tư đổi mới kỹ thuật mà ít chịu rủi ro. Mặc dù có tiềm lực kinh tế về nghiên cứu khoa học, công nghệ nhưng có nhiều phát minh mới do các doanh nghiệp vừa và nhỏ đề xuất và thực hiện. Thông qua quan hệ hợp tác, các độc quyền lớn đã chiếm độc quyền sở hữu phát minh, sáng chế ngay từ lúc mới chỉ là những ý tưởng và chiếm đoạt những phát minh mà không phải chi phí bổ sung lớn. Trong quan hệ hợp tác, các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong tình thế bắt buộc vì lý do tài chính và công nghệ, còn các độc quyền lớn có khả năng lựa chọn bạn hàng phù hợp với mục tiêu chiến lược, nhờ vậy, mở rộng khả năng kiểm soát sản xuất nói chung và tiến bộ khoa học, công nghệ nói riêng. Độc quyền ở đỉnh chóp chỉ đạo kỹ thuật và cung cấp vốn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở dưới, ngược lại các doanh nghiệp vừa và nhỏ cung cấp trở lại thiết bị, linh kiện, dịch vụ giá rẻ hợp quy cách cho độc quyền lớn.

Thứ ba, hiện nay độc quyền xuất hiện cả ở những nước đang phát triển. Đó là kết quả của sự thâm nhập của các công ty xuyên quốc gia vào các nước này và sự ứng dụng những thành tựu khoa học - kỹ thuật hiện đại khiến cho chỉ một xí nghiệp hay một công ty cũng đủ sức mạnh chi phối việc sản xuất và tiêu thụ của cả một ngành mới ra đời ở một nước đang phát triển và bành trướng ra bên ngoài.

❖ Tư bản tài chính và bọn đầu sỏ tài chính

• Nguyên nhân hình thành và bản chất của tư bản tài chính

Sự xuất hiện của độc quyền công nghiệp vừa tạo điều kiện, vừa thúc đẩy nhanh quá trình tập trung trong lĩnh vực ngân hàng để hình thành các độc quyền ngân hàng. Bởi vì, khi độc quyền công nghiệp xuất hiện, nó cần phải có một số vốn rất lớn để sản xuất, kinh doanh, do đó, những ngân hàng nhỏ không đủ tiềm lực để có thể đáp ứng được nhu cầu đó. Vì thế, các tổ chức độc quyền công nghiệp tìm đến các ngân hàng lớn hơn mới có đủ điều kiện đáp ứng nhu cầu tài chính của mình. Trong bối cảnh đó, các ngân hàng nhỏ phải tự sáp nhập vào các ngân hàng lớn hoặc phá sản trước quy luật khốc liệt của cạnh tranh. Từ trong quá trình này, các tổ chức độc quyền ngân hàng ra đời.

Sự hình thành độc quyền trong lĩnh vực ngân hàng gắn với vai trò mới của ngân hàng. Từ chỗ trung tâm phát hành, thanh toán và quản lý tiền tệ, ngân hàng có thêm chức năng kiểm soát và giám sát các hoạt động kinh tế. Bởi vì, lúc này các tổ chức độc quyền ngân hàng nắm

Bài giảng Kinh tế chính trị Mác - Lênin

trong tay phần lớn tư bản tiền tệ của xã hội, nên nó có quyền lực vạn năng. Trong nền kinh tế hàng hóa càng phát triển nhu cầu vay mượn tiền tệ của các doanh nghiệp là rất lớn, thông qua hoạt động tín dụng, ngân hàng nắm rất chính xác hoạt động sản xuất, kinh doanh của từng doanh nghiệp và chi phối các hoạt động đó.

Sự hình thành độc quyền trong lĩnh vực ngân hàng còn làm thay đổi mối quan hệ giữa độc quyền ngân hàng với độc quyền công nghiệp. Với một mạng lưới chi nhánh khắp mọi nơi, các tổ chức độc quyền ngân hàng cho các tổ chức độc quyền công nghiệp vay và nhận gửi những số tiền lớn với thời gian dài hạn. Từ chức năng kiểm soát và giám sát các hoạt động kinh tế, các tổ chức độc quyền ngân hàng dần dần tìm cách khống chế hoạt động sản xuất kinh doanh của tư bản độc quyền công nghiệp bằng những hình thức sau: cử người tham gia vào hội đồng giám sát, hội đồng quản trị của tổ chức độc quyền công nghiệp; mua cổ phiếu của tư bản độc quyền công nghiệp làm ăn phát đạt.

Ngược lại, để đảm bảo chắc chắn tiền gửi và chi phối hoạt động của ngân hàng, tổ chức độc quyền công nghiệp bỏ tiền ra mua cổ phiếu của các ngân hàng, khống chế các ngân hàng, cử người tham gia vào hội đồng quản trị của tổ chức độc quyền ngân hàng. Như vậy, tư bản độc quyền ngân hàng và tư bản độc quyền công nghiệp không ngừng thâm nhập lẫn nhau, tìm cách chi phối nhau, kết quả của quá trình này là sự xuất hiện của hình thức tư bản mới gọi là tư bản tài chính.

Tư bản tài chính là kết quả của sự hợp nhất giữa tư bản ngân hàng của một số ít ngân hàng độc quyền lớn nhất, với tư bản của những liên minh độc quyền các nhà công nghiệp.

Sự phát triển của tư bản tài chính dần dần dẫn đến sự hình thành một nhóm nhỏ những nhà tư bản kèch xù chi phối toàn bộ đời sống kinh tế, chính trị của toàn xã hội, gọi là tài phiệt (đầu sỏ tài chính, trùm tài chính).

Tư bản tài chính nắm trong tay đa phần tư bản sản xuất và tư bản tiền tệ, nên tư bản tài chính thống trị và chi phối toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Sự ra đời của tư bản tài chính đã biến một nhóm nhỏ những nhà tư bản có sức mạnh và thế lực nhất trong giới tư bản kinh doanh ngân hàng và công nghiệp thành bọn đầu sỏ tài chính (tài phiệt).

• Cơ chế thống trị của tư bản tài chính

Bọn đầu sỏ tài chính (tài phiệt) thiết lập sự thống trị của mình thông qua “chế độ tham dự”. Thực chất của “chế độ tham dự” là một nhà tài chính lớn, hoặc một tập đoàn tài chính nhờ có số cổ phiếu khống chế mà nắm được một công ty lớn nhất với tư cách là công ty gốc (hay là “công ty mẹ”); công ty này lại mua được cổ phiếu khống chế, thống trị được công ty khác, gọi là “công ty con”; “công ty con” đến lượt nó lại chi phối các “công ty cháu” cũng bằng cách như thế... Nhờ có chế độ tham dự và phương pháp tổ chức tập đoàn theo kiểu móc xích như vậy, bằng một lượng tư bản đầu tư nhỏ, các tư bản tài chính có thể khống chế và điều tiết được một lượng tư bản lớn gấp nhiều lần.

Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường

Ngoài “chế độ tham dự”, bọn đầu sỏ tài chính còn sử dụng những thủ đoạn như lập công ty mới, phát hành trái khoán, kinh doanh công trái, đầu cơ chứng khoán ở sở giao dịch, đầu cơ ruộng đất... để thu được lợi nhuận độc quyền cao.

Thông trị về kinh tế là cơ sở để bọn đầu sỏ tài chính thống trị về chính trị và các mặt khác của đời sống xã hội trong chế độ tư bản chủ nghĩa. Về mặt chính trị, bọn đầu sỏ tài chính chi phối mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước, biến nhà nước tư sản thành công cụ phục vụ lợi ích cho chúng. Sự thống trị của bọn tài phiệt đã làm nảy sinh chủ nghĩa phátxít, chủ nghĩa quân phiệt và nhiều thứ chủ nghĩa phản động khác, cùng chạy đua vũ trang gây chiến tranh xâm lược để áp bức, bóc lột các nước kém phát triển.

• Biểu hiện mới của tư bản tài chính trong giai đoạn phát triển hiện nay

Thứ nhất, cơ chế thống trị của tư bản tài chính cũng có sự thay đổi, bên cạnh “chế độ tham dự” là sự xuất hiện của “chế độ ủy nhiệm”. Chế độ này dẫn đến kết quả là: cho phép tư bản tài chính huy động nguồn vốn rộng lớn từ mọi tầng lớp dân cư trong xã hội, giúp cho nhà tư bản độc quyền tài chính với lực lượng tư bản có hạn của mình có thể khống chế và chi phối mọi lượng tư bản lớn hơn nhiều và ngày càng mở rộng: tỷ lệ cổ phiếu khống chế cho phép giảm từ trên 50% xuống đến 20% và cá biệt chỉ còn thấp hơn 1%, như công ty: Boeing, Mc Donald,...Số lượng tư bản của họ trong tổng số tư bản chỉ chiếm 0,1% - 0.2%. Do việc phát hành cổ phiếu mệnh giá nhỏ làm cho số lượng cổ đông lớn, phân bố rải rác, vì vậy, thực tế họ không có khả năng đến dự đại hội cổ đông, phải ủy quyền cho các ngân hàng hay những đại cổ đông khác thay mặt mình ở hội nghị quyết định chiến lược kinh doanh và bầu hội đồng quản trị của công ty.

Thứ hai, do sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, trong nền kinh tế ở các nước tư bản hiện nay đã xuất hiện và phát triển nhiều ngành nghề mới như: dịch vụ, bảo hiểm...và ngày càng chiếm tỷ trọng lớn. Thích ứng với sự biến đổi đó, hình thức và cơ chế thống trị của tư bản tài chính đã thay đổi. Sự thay đổi diễn ra ngay trong quá trình liên kết và xâm nhập vào nhau giữa tư bản ngân hàng và tư bản công nghiệp. Nếu trước kia mỗi liên kết này chủ yếu và bao trùm quá trình hình thành các tập đoàn tài chính, thì ngày nay nó chỉ có ý nghĩa như một hạt nhân. Trong giai đoạn hiện nay, phạm vi liên kết và xâm nhập vào nhau được mở rộng ra nhiều ngành, do đó các tập đoàn tư bản tài chính thường tồn tại dưới hình thức một tổ hợp đa dạng kiểu công - nông - thương - tín - dịch vụ hay công nghiệp - quân sự - dịch vụ quốc phòng...

Để vươn ra địa bàn thế giới và thích ứng với quá trình quốc tế hóa đời sống kinh tế, các tập đoàn tư bản tài chính đã thành lập các ngân hàng đa quốc gia và xuyên quốc gia, thực hiện việc điều tiết concern, conglomerate xâm nhập vào nền kinh tế của các quốc gia khác. Sự ra đời của các trung tâm tài chính của thế giới như Nhật Bản, Đức, Mỹ, Hồng Kông...là kết quả hoạt động của các tập đoàn tài chính quốc tế. Dù biểu hiện dưới hình thức nào, cơ chế thống trị có sự thay đổi ra sao, thì bản chất của tư bản tài chính không bao giờ thay đổi.

❖ **Xuất khẩu tư bản**

• *Nguyên nhân và bản chất của xuất khẩu tư bản*

Trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, xuất khẩu hàng hóa là chủ yếu. Đến giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền, xuất khẩu tư bản trở thành đặc điểm nổi bật, có tầm quan trọng đặc biệt và trở thành sự cần thiết của chủ nghĩa tư bản.

Xuất khẩu tư bản là xuất khẩu giá trị ra nước ngoài (đầu tư tư bản ra nước ngoài) nhằm mục đích chiếm đoạt giá trị thặng dư và các nguồn lợi nhuận khác ở các nước nhập khẩu tư bản.

Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, xuất khẩu tư bản trở thành tất yếu vì:

Thứ nhất, một số ít nước phát triển đã tích lũy được một khối lượng tư bản lớn và có một số “tư bản thừa” tương đối cần tìm nơi đầu tư có nhiều lợi nhuận hơn so với đầu tư ở trong nước.

Thứ hai, nhiều nước lạc hậu về kinh tế bị lôi cuốn vào sự giao lưu kinh tế thế giới nhưng lại rất thiếu tư bản, giá ruộng đất tương đối rẻ, tiền lương thấp, nguyên liệu rẻ, nên tỷ suất lợi nhuận cao, rất hấp dẫn đầu tư tư bản.

• *Các hình thức xuất khẩu tư bản*

- Xét theo phương thức đầu tư:

Đầu tư trực tiếp là hình thức xuất khẩu tư bản để xây dựng những xí nghiệp mới hoặc mua lại những xí nghiệp đang hoạt động ở nước nhận đầu tư, biến nó thành một chi nhánh của công ty mẹ ở chính quốc. Các xí nghiệp mới hình thành thường tồn tại dưới dạng hỗn hợp song phương hoặc đa phương, nhưng cũng có những xí nghiệp toàn bộ vốn của công ty nước ngoài.

Đầu tư gián tiếp là hình thức xuất khẩu tư bản dưới dạng cho vay thu lãi. Thông qua các ngân hàng tư nhân hoặc các trung tâm tín dụng quốc gia và quốc tế, các nhà tư bản cho các nước khác vay vốn theo nhiều hạn định khác nhau để đầu tư vào các đề án phát triển kinh tế.

- Xét theo chủ sở hữu:

Xuất khẩu tư bản nhà nước là nhà nước tư bản độc quyền dùng nguồn vốn từ ngân quỹ của mình, tiền của các tổ chức độc quyền để đầu tư vào nước nhập khẩu tư bản hoặc viện trợ có hoàn lại hay không hoàn lại để thực hiện những mục tiêu về kinh tế, chính trị và quân sự.

Về kinh tế: xuất khẩu tư bản nhà nước thường hướng vào các ngành thuộc kết cấu hạ tầng để tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư của tư bản tư nhân. Nhà nước tư bản viện trợ không hoàn lại cho nước nhập khẩu tư bản để ký được những hiệp định thương mại và đầu tư có lợi...

Về chính trị: viện trợ của nhà nước tư sản thường nhằm duy trì và bảo vệ chế độ chính trị “thân cận” đã bị lung lay ở các nước nhập khẩu tư bản, tăng cường sự phụ thuộc của các nước đó vào các nước xuất khẩu tư bản, tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu tư bản tư nhân.

Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường

Về quân sự: viện trợ của tư bản nhà nước nhằm lôi kéo các nước phụ thuộc vào khối quân sự hoặc buộc các nước nhận viện trợ phải cho các nước xuất khẩu tư bản lập căn cứ quân sự trên lãnh thổ của mình. Bên cạnh đó, buộc các nước nhận viện trợ phải đưa quân tham chiến chống nước khác hoặc đơn thuần là để bán vũ khí.

Xuất khẩu tư bản tư nhân là hình thức xuất khẩu do tư bản tư nhân thực hiện. Hình thức này có đặc điểm cơ bản là nó thường được đầu tư vào những ngành kinh tế có vòng quay tư bản ngắn và thu được lợi nhuận độc quyền cao. Hình thức này chủ yếu do các công ty xuyên quốc gia tiến hành thông qua hoạt động đầu tư kinh doanh.

Xuất khẩu tư bản thường tồn tại dưới hình thức lập chi nhánh của các công ty xuyên quốc gia, hoạt động tài chính tín dụng của các ngân hàng hay các trung tâm tín dụng. Song hình thức đặc biệt của xuất khẩu tư bản là chuyển giao công nghệ. Đây là biện pháp chủ yếu mà các nước xuất khẩu tư bản sử dụng để thống trị và khống chế nền kinh tế các nước nhập khẩu tư bản.

Việc xuất khẩu tư bản là sự mở rộng quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ra nước ngoài, là công cụ chủ yếu để bành trướng sự thống trị, bóc lột, nô dịch của tư bản tài chính trên phạm vi toàn thế giới.

• Biểu hiện mới của xuất khẩu tư bản trong giai đoạn hiện nay

Thứ nhất, vào những thập niên đầu của thế kỷ XX, luồng xuất khẩu tư bản chủ yếu từ các nước tư bản phát triển sang các nước kém phát triển. Nhưng trong giai đoạn hiện nay, đại bộ phận dòng đầu tư chảy qua lại giữa các nước tư bản phát triển với nhau. Bởi vì, hiện nay ở các nước tư bản phát triển, các ngành có hàm lượng khoa học, công nghệ cao, số vốn lớn phát triển rất nhanh, như: công nghệ sinh học, chế tạo vật liệu mới, ngành bán dẫn và vi điện tử, ngành vũ trụ và đại dương... Những ngành này có thiết bị và quy trình công nghệ hiện đại, tiêu tốn ít nguyên, nhiên, vật liệu. Bên cạnh đó, trong nền kinh tế của các nước tư bản lại có sự biến đổi về cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh các ngành sản xuất mũi nhọn có hàm lượng khoa học, công nghệ cao. Vì vậy, đã tạo ra nhu cầu đầu tư hấp dẫn, nên đầu tư vào đây thu được lợi nhuận cao. Trong khi đó, ở các nước đang phát triển thì kết cấu hạ tầng lạc hậu hoặc không phù hợp, tình hình chính trị kém ổn định, tỷ suất lợi nhuận của tư bản đầu tư không còn cao như trước.

Thứ hai, hình thức xuất khẩu tư bản rất đa dạng, sự đan xen giữa xuất khẩu tư bản và xuất khẩu hàng hóa tăng lên. Chẳng hạn, trong đầu tư trực tiếp xuất hiện hình thức mới như: xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT); xây dựng - chuyển giao (BT)... Sự kết hợp giữa xuất khẩu tư bản với các hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ, chất xám,... không ngừng tăng lên.

Thứ ba, chủ thể xuất khẩu tư bản có sự thay đổi to lớn, trong đó vai trò của các công ty xuyên quốc gia trong xuất khẩu tư bản ngày càng lớn đặc biệt là đầu tư trực tiếp nước ngoài. Bên cạnh đó, hiện nay đã xuất hiện nhiều chủ thể xuất khẩu tư bản từ các nước đang phát triển.

Thứ tư, hiện nay sự áp đặt mang tính thực dân trong xuất khẩu tư bản được gỡ bỏ dần và nguyên tắc cùng có lợi trong đầu tư quốc tế được đề cao.

❖ ***Sự phân chia thế giới về kinh tế giữa các tập đoàn tư bản độc quyền***

• *Cơ sở khách quan hình thành các tổ chức độc quyền quốc tế và phân chia thế giới về kinh tế*

Thứ nhất, việc bành trướng ra nước ngoài là một nhu cầu tất yếu của chủ nghĩa tư bản. Đến giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền, quá trình đó càng trở nên cấp thiết hơn.

Thứ hai, tăng cường xuất khẩu tất yếu mở rộng việc chiếm lĩnh và khai thác thị trường thế giới.

Thứ ba, sự cạnh tranh gay gắt giữa các tổ chức độc quyền quốc gia dẫn đến mở rộng ra thị trường quốc tế.

Do vậy, sự phân chia thế giới về kinh tế tất yếu diễn ra. Nó có thể diễn ra dưới hình thức này hay hình thức khác tùy thuộc vào tương quan sức mạnh giữa các liên minh độc quyền.

• *Bản chất của sự phân chia thế giới về kinh tế giữa các liên minh độc quyền*

Thực chất của sự phân chia thế giới về kinh tế là sự phân chia thị trường tiêu thụ hàng hóa và đầu tư. Dưới chủ nghĩa tư bản, thị trường trong nước luôn gắn với thị trường nước ngoài. Trước chủ nghĩa tư bản đã tồn tại mậu dịch quốc tế. Nhưng trong thời đại tư bản độc quyền, vấn đề thị trường ngày càng trở nên đặc biệt gay gắt, do đó nhu cầu thị trường ngoài nước càng trở nên gay gắt, do đó nhu cầu về thị trường ngoài nước tăng lên rất lớn. Trong điều kiện này, các độc quyền không đơn thuần cần thị trường tiêu thụ mà cần thị trường có sự bảo đảm, ổn định thường xuyên, ngăn được mọi đối thủ cạnh tranh.

Ngoài ra, việc mở rộng không ngừng quy mô sản xuất của các độc quyền đòi hỏi tương ứng khối lượng nguyên liệu mà nguồn cung cấp chủ yếu lại ở ngoài những nước tư bản chủ nghĩa phát triển - nơi các độc quyền sinh ra và hoạt động. Việc kiểm soát các nguồn nguyên liệu mà độc quyền khổng lồ ngày càng quan tâm không thể thực hiện bằng việc trao đổi hàng hóa thông thường mà bằng xuất khẩu tư bản, đặc biệt là dưới hình thức xuất khẩu tư bản sản xuất.

• *Các hình thức phân chia thế giới về kinh tế và hình thành các liên minh độc quyền quốc tế*

Trong thời đại tư bản độc quyền, cuộc đấu tranh gay gắt thị trường tiêu thụ, nguồn nguyên liệu và lĩnh vực đầu tư tư bản ở nước ngoài ngày càng mở rộng. Sự đụng độ trên trường quốc tế giữa các độc quyền dân tộc có sức mạnh kinh tế to lớn và được sự ủng hộ của nhà nước “của mình”. Cuộc đấu tranh ác liệt đó dẫn tới nảy sinh nguyện vọng thỏa hiệp, ký kết các hiệp định để củng cố địa vị độc quyền trong những lĩnh vực hoặc thị trường nhất định. Các hiệp định về phân chia thị trường thế giới thường được thực hiện dưới hình thức hiệp định cácten và dẫn tới việc xuất hiện các độc quyền quốc tế (các độc quyền siêu quốc gia) hay là các liên minh quốc tế giữa các nhà tư bản. Đó là kết quả của quá trình tích tụ sản xuất theo chiều sâu và theo chiều

Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường

rộng. Ban đầu, quá trình tích tụ sản xuất và hình thành độc quyền dân tộc diễn ra trong phạm vi từng nước. Sau đó, trên cơ sở quá trình tích tụ, các độc quyền lần lượt ra khỏi biên giới quốc gia. Sự thỏa hiệp và cạnh tranh giữa các độc quyền dân tộc của các nước tư bản khác nhau đã đến sự hình thành các độc quyền quốc tế và sự phân chia về kinh tế giữa chúng.

• *Biểu hiện mới của sự phân chia thế giới về kinh tế giữa các tập đoàn tư bản độc quyền trong giai đoạn hiện nay*

Trong giai đoạn hiện nay các tập đoàn tư bản độc quyền quốc tế thường tồn tại dưới hai hình thức: các công ti xuyên quốc gia và liên minh của độc quyền tư bản nhà nước. Trong đó, các concern, conglomerate bành trướng ra nước ngoài hình thành các công ty xuyên quốc gia. Hiện nay, toàn thế giới có khoảng hơn 60.000 công ti xuyên quốc gia chiếm hơn 60% hàng hóa xuất khẩu của cả thế giới, khoảng 60 công ti xuyên quốc gia lớn nhất có doanh số bán ra nước ngoài từ 10 tỷ đến hơn 100 tỷ đôla Mỹ, vượt kim ngạch xuất khẩu của nhiều nước như: Apple: Lĩnh vực kinh doanh: công nghệ. Doanh thu năm 2015: 234 tỷ USD. Sản lượng kinh tế của Apple trong năm 2014 là 87 tỷ USD, cao hơn GDP của Oman (82 tỷ USD); Samsung: lĩnh vực kinh doanh công nghệ. Doanh thu năm 2015: 163 tỷ USD. Giá trị thương hiệu của Samsung ở mức 45 tỷ USD trong khi giá trị thương hiệu quốc gia của Croatia chỉ có 32 tỷ USD.

Mặt khác, sau chiến tranh thế giới thứ hai, xuất hiện hình thức mới của sự phân chia thế giới về kinh tế là liên minh quốc tế của tư bản độc quyền nhà nước. Điển hình là Cộng đồng kinh tế châu Âu (EC) thành lập năm 1957, hiện nay là Liên minh châu Âu (EU), Khối mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA)...Ngoài ra, việc phân chia về thế giới về kinh tế cũng có sự tham gia của một loạt nước đang phát triển nhằm chống lại sức ép của các cường quốc tư bản chủ nghĩa, điển hình như: Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC); Thị trường chung vùng chóp nón Nam Mỹ (Mercosus), Liên minh châu Phi (AU)...

❖ Sự phân chia thế giới về lãnh thổ giữa các cường quốc tư bản

Sự phân chia thế giới về kinh tế được củng cố và tăng cường bằng việc phân chia thế giới về lãnh thổ. V.I. Lênin đã chỉ ra rằng: “Chủ nghĩa tư bản phát triển càng cao, nguyên liệu càng thiếu thốn, sự cạnh tranh càng gay gắt và việc tìm kiếm các nguồn nguyên liệu trên toàn thế giới càng ráo riết, thì cuộc đấu tranh để chiếm thuộc địa càng quyết liệt hơn”.

Các cường quốc đế quốc ra sức xâm chiếm thuộc địa, bởi vì thuộc địa là nơi bảo đảm nguồn nguyên liệu và thị trường thường xuyên, là nơi tương đối an toàn trong cạnh tranh, bảo đảm thực hiện đồng thời những mục đích về kinh tế, quân sự và chính trị. Từ sau năm 1880, những cuộc xâm chiếm thuộc địa bắt đầu phát triển mạnh. Đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, các nước đế quốc đã hoàn thành việc phân chia lãnh thổ thế giới. Đế quốc Anh chiếm được nhiều thuộc địa nhất, sau đó đến Nga (Nga Hoàng) và Pháp. Số dân thuộc địa của Anh nhiều hơn 12 lần số dân thuộc địa của Nga và bằng 7 lần của Pháp. Số dân thuộc địa của Pháp lại nhiều hơn số dân thuộc địa của ba nước Đức, Mỹ, Nhật cộng lại.

Sự phân chia lãnh thổ và phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản tất yếu dẫn đến cuộc đấu tranh đòi chia lại thế giới. Đó là nguyên nhân chính dẫn đến các cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất 1914 -1918 và lần thứ hai 1939 -1945.

Từ những năm 50 của thế kỷ XX trở đi, phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ đã làm sụp đổ và tan rã hệ thống thuộc địa kiểu cũ, nhưng điều đó không có nghĩa là chủ nghĩa thực dân đã bị thủ tiêu. Trái lại, các cường quốc đế quốc chuyển sang thi hành chính sách thực dân mới, mà nội dung chủ yếu của nó là dùng viện trợ kinh tế, kỹ thuật, quân sự để duy trì sự lệ thuộc của các nước đang phát triển vào các nước đế quốc.

• *Biểu hiện mới về sự phân chia về lãnh thổ giữa các cường quốc tư bản*

Vào cuối thế kỷ XX, tuy chủ nghĩa tư bản thực dân cũ hoàn toàn sụp đổ và chủ nghĩa thực dân mới đã suy yếu, nhưng các cường quốc tư bản vẫn luôn tranh giành phạm vi ảnh hưởng bằng cách thực hiện “chiến lược biên giới mềm”, ra sức bành trướng “biên giới kinh tế” rộng hơn biên giới địa lý. Mặt khác, ràng buộc và chi phối các nước kém phát triển từ sự lệ thuộc về vốn, công nghệ đi đến sự lệ thuộc về chính trị vào các nước cường quốc tư bản.

Sang đầu thế kỷ XXI, mặc dù nguy cơ chiến tranh thế giới bị đẩy lùi, nhưng vẫn tiềm ẩn những nguy cơ chạy đua vũ trang, chiến tranh lạnh có nguy cơ phục hồi trở lại. Bên cạnh đó, sự phân chia thế giới về lãnh thổ thế giới được thay thế bằng những cuộc chiến tranh thương mại (Mỹ - Trung); những cuộc chiến tranh sắc tộc, tôn giáo mà bản chất đằng sau là cuộc đụng độ giữa các cường quốc tư bản.

Năm đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa đế quốc có liên quan chặt chẽ với nhau, nói lên bản chất của chủ nghĩa đế quốc về mặt kinh tế là sự thống trị của chủ nghĩa tư bản độc quyền, về mặt chính trị là hiếu chiến, xâm lược.

4.1.2. Cơ chế kinh tế và tác động của chủ nghĩa tư bản độc quyền

4.1.2.1. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền

Trong giai đoạn thấp của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, cơ chế kinh tế của giai đoạn này là tự do cạnh tranh. Trên thị trường, cung cầu và giá cả hàng hóa vận động theo cơ chế tự điều tiết thông qua sự hình thành lợi nhuận bình quân và giá trị chuyển hóa thành giá cả sản xuất. Đến giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền, cơ chế kinh tế mới xuất hiện đó là độc quyền và cạnh tranh.

Một số nhà lý luận tư sản cho rằng với sự xuất hiện và thống trị của các tổ chức độc quyền sẽ tạo điều kiện thủ tiêu cạnh tranh, khắc phục những khuyết tật vốn có của cơ chế thị trường tự điều tiết. Nhưng độc quyền sinh ra từ cạnh tranh tự do, độc quyền đối lập với cạnh tranh tự do, độc quyền không thủ tiêu được cạnh tranh, trái lại nó còn làm cho cạnh tranh trở nên đa dạng và gay gắt hơn. Bên cạnh đó, cơ sở sự tồn tại của cạnh tranh vẫn còn đó là chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất.

Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường

V.I.Lênin đã từng chỉ ra mối quan hệ giữa độc quyền và cạnh tranh trong tác phẩm *Chủ nghĩa đế quốc - giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản*, đó là: “Tổ chức độc quyền không thủ tiêu cạnh tranh tự do là cái sinh ra nó; nó tồn tại ở trên sự cạnh tranh tự do và cùng với cạnh tranh tự do, do đó mà gây ra một số mâu thuẫn, va chạm và xung đột đặc biệt gay gắt...”. Vì vậy, trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền, không chỉ tồn tại cạnh tranh giữa những người sản xuất nhỏ, giữa những nhà tư bản vừa và nhỏ như trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, mà còn xuất hiện thêm các loại cạnh tranh sau:

Một là, cạnh tranh giữa các tổ chức độc quyền với các xí nghiệp ngoài độc quyền. Các tổ chức độc quyền tìm mọi cách chèn ép, chi phối, thôn tính các xí nghiệp ngoài độc quyền bằng nhiều biện pháp như: độc chiếm nguồn nguyên liệu, nguồn nhân công, phương tiện vận tải, tín dụng, hạ giá có hệ thống...để đánh bại đối thủ.

Hai là, cạnh tranh giữa các tổ chức độc quyền với nhau. Loại cạnh tranh này có nhiều hình thức: cạnh tranh giữa các tổ chức độc quyền trong một ngành, kết thúc bằng một sự thoả hiệp hoặc bằng sự phá sản của một bên cạnh tranh; cạnh tranh giữa các tổ chức độc quyền khác ngành có liên quan với nhau về nguồn nguyên liệu, kỹ thuật...

Ba là, cạnh tranh trong nội bộ các tổ chức độc quyền. Những nhà tư bản tham gia cácten, xanđica cạnh tranh với nhau để giành thị trường tiêu thụ có lợi hoặc giành tỷ lệ sản xuất cao hơn. Các thành viên của tòrót và côngxoócxiom cạnh tranh với nhau để chiếm cổ phiếu không chế, từ đó chiếm địa vị lãnh đạo và phân chia lợi nhuận có lợi hơn.

4.1.2.2. Lợi nhuận độc quyền, giá cả độc quyền và quy luật lợi nhuận độc quyền

Các tổ chức độc quyền hình thành do chính sự vận động nội tại của chủ nghĩa tư bản sinh ra. Độc quyền là biểu hiện mới, mang những quan hệ mới nhưng nó không vượt ra khỏi các quy luật của chủ nghĩa tư bản, mà chỉ là sự tiếp tục mở rộng, phát triển những xu thế sâu sắc nhất của chủ nghĩa tư bản và của nền sản xuất hàng hoá nói chung, làm cho các quy luật kinh tế của nền sản xuất hàng hoá và của chủ nghĩa tư bản có những biểu hiện mới.

Lợi nhuận độc quyền là lợi nhuận thu được cao hơn lợi nhuận bình quân mà tổ chức độc quyền thu được nhờ sự thống trị trong lĩnh vực sản xuất hay trao đổi nào đó.

Lợi nhuận độc quyền thu được là do các tổ chức độc quyền khống chế, áp đặt giá bán hàng hóa cao và giá mua hàng hóa thấp.

Nguồn gốc và cơ cấu của lợi nhuận độc quyền là giá trị thặng dư của công nhân làm việc trong các tổ chức độc quyền tạo ra; một phần giá trị thặng dư của công nhân làm việc ở các xí nghiệp ngoài tổ chức độc quyền; một phần giá trị mới do người sản xuất hàng hóa nhỏ trong nước tạo ra; lợi nhuận thu được do xuất khẩu tư bản và sản xuất hàng hóa cho các nước, đặc biệt ở các nước có nền kinh tế kém phát triển; lợi nhuận thu được do lợi dụng việc quân sự hóa nền kinh tế, do chiến tranh.

Bài giảng Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, quy luật giá trị thặng dư biểu hiện thành quy luật tỷ suất lợi nhuận bình quân. Bước sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, các tổ chức độc quyền thao túng nền kinh tế bằng giá cả độc quyền và thu được lợi nhuận độc quyền cao. Do đó quy luật lợi nhuận độc quyền cao là hình thức biểu hiện của quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa

Giá cả độc quyền là hình thức biểu hiện của giá trị hàng hóa trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền, bao gồm chi phí sản xuất cộng với lợi nhuận độc quyền.

Giá cả độc quyền là một trong những phương tiện chủ yếu để đảm bảo lợi nhuận độc quyền cao. Vì vậy, các tổ chức độc quyền tư bản dùng các phương pháp khác nhau để giữ giá cả hàng hóa cao.

Mặt khác, do chiếm được vị trí độc quyền nên các tổ chức độc quyền đã áp đặt giá cả độc quyền; giá cả độc quyền thấp khi mua, giá cả độc quyền cao khi bán. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa quy luật giá trị không còn hoạt động. Về thực chất, giá cả độc quyền vẫn không thoát ly và không phủ định cơ sở của nó là giá trị. Các tổ chức độc quyền thi hành chính sách giá cả độc quyền chẳng qua là chiếm đoạt một phần giá trị và giá trị thặng dư của những người khác. Nếu xem xét trong toàn bộ hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa thì tổng số giá cả vẫn bằng tổng số giá trị. Như vậy, nếu như trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh quy luật giá trị biểu hiện thành quy luật giá cả sản xuất, thì trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa quy luật giá trị biểu hiện thành quy luật giá cả độc quyền.

4.1.2.3. Tác động của độc quyền đối với nền kinh tế

❖ Tác động tích cực

Thứ nhất, độc quyền tạo ra khả năng to lớn trong việc nghiên cứu và triển khai các hoạt động khoa học kỹ thuật, thúc đẩy sự tiến bộ kỹ thuật.

Thứ hai, độc quyền có thể làm tăng năng suất lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh của bản thân tổ chức độc quyền.

Thứ ba, độc quyền tạo được sức mạnh kinh tế góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển theo hướng sản xuất lớn hiện đại.

❖ Tác động tiêu cực

Thứ nhất, độc quyền xuất hiện làm cho cạnh tranh không hoàn hảo gây thiệt hại cho người tiêu dùng và xã hội.

Thứ hai, độc quyền có thể kìm hãm sự tiến bộ kỹ thuật, từ đó cản trở sự phát triển kinh tế xã hội.

Thứ ba, độc quyền chi phối các quan hệ kinh tế, xã hội, làm gia tăng sự phân hóa giàu nghèo.

4.2. ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

4.2.1. Lý luận của V.I. Lênin về độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường

4.2.1.1. Nguyên nhân ra đời và phát triển của độc quyền nhà nước

Đầu thế kỷ XX, V.I. Lênin đã chỉ rõ: Chủ nghĩa tư bản độc quyền chuyển thành chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là khuynh hướng tất yếu. Ra đời đầu tiên ở Đức sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918), nhưng chỉ đến những năm 50 của thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước mới trở thành một thực thể rõ ràng và là một đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước ra đời do những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

Một là, tích tụ và tập trung tư bản càng lớn thì tích tụ và tập trung sản xuất càng cao, do đó đẻ ra những cơ cấu kinh tế to lớn đòi hỏi một sự điều tiết xã hội đối với sản xuất và phân phối, một sự kế hoạch hoá tập trung từ một trung tâm. Nói cách khác, sự phát triển hơn nữa của trình độ xã hội hoá lực lượng sản xuất đã dẫn đến yêu cầu khách quan là nhà nước phải đại biểu cho toàn bộ xã hội quản lý nền sản xuất. Lực lượng sản xuất xã hội hoá ngày càng cao càng mâu thuẫn gay gắt với hình thức chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, do đó tất yếu đòi hỏi một hình thức mới của quan hệ sản xuất để lực lượng sản xuất có thể tiếp tục phát triển trong điều kiện còn sự thống trị của chủ nghĩa tư bản. Hình thức mới đó là chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

Hai là, sự phát triển của phân công lao động xã hội đã làm xuất hiện một số ngành mà các tổ chức độc quyền tư bản tư nhân không thể hoặc không muốn kinh doanh vì đầu tư lớn, thu hồi vốn chậm và ít lợi nhuận, nhất là các ngành thuộc kết cấu hạ tầng như năng lượng, giao thông vận tải, giáo dục, nghiên cứu khoa học cơ bản... Nhà nước tư sản trong khi đảm nhiệm kinh doanh các ngành đó, tạo điều kiện cho các tổ chức độc quyền tư nhân kinh doanh các ngành khác có lợi hơn.

Ba là, sự thống trị của độc quyền đã làm sâu sắc thêm sự đối kháng giữa giai cấp tư sản với giai cấp vô sản và nhân dân lao động. Nhà nước phải có những chính sách để xoa dịu những mâu thuẫn đó như trợ cấp thất nghiệp, điều tiết thu nhập quốc dân, phát triển phúc lợi xã hội...

Bốn là, cùng với xu hướng quốc tế hoá đời sống kinh tế, sự bành trướng của các liên minh độc quyền quốc tế vấp phải những hàng rào quốc gia dân tộc và xung đột lợi ích với các đối thủ trên thị trường thế giới. Tình hình đó đòi hỏi phải có sự điều tiết các quan hệ chính trị và kinh tế quốc tế, trong đó không thể thiếu vai trò của nhà nước.

Ngoài ra, việc thi hành chủ nghĩa thực dân mới, cuộc đấu tranh với chủ nghĩa xã hội hiện thực và tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại cũng đòi hỏi sự can thiệp trực tiếp của nhà nước vào đời sống kinh tế.

4.2.1.2. Bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

Bài giảng Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là sự kết hợp sức mạnh của các tổ chức độc quyền tư nhân với sức mạnh của nhà nước tư sản thành một thiết chế và thể chế thống nhất nhằm phục vụ lợi ích của các tổ chức độc quyền và giúp cho quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa thích ứng với sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất do cuộc cách mạng khoa học công nghệ tạo ra.

Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là nấc thang phát triển mới của chủ nghĩa tư bản độc quyền (chủ nghĩa đế quốc). Nó là sự thống nhất của ba quá trình gắn bó chặt chẽ với nhau: tăng sức mạnh của các tổ chức độc quyền, tăng vai trò can thiệp của nhà nước vào kinh tế, kết hợp sức mạnh của độc quyền tư nhân với sức mạnh của nhà nước trong một cơ chế thống nhất và bộ máy nhà nước phụ thuộc vào các tổ chức độc quyền.

V.I.Lênin chỉ ra rằng: “Bọn đầu sỏ tài chính dùng một mạng lưới dày đặc những quan hệ lệ thuộc để bao trùm hết thảy các thiết chế kinh tế và chính trị...đó là biểu hiện rõ rệt nhất của sự độc quyền ấy”. Trong cơ cấu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, nhà nước đã trở thành một tập thể tư bản khổng lồ. Nó cũng là chủ sở hữu những xí nghiệp, cũng tiến hành kinh doanh, bóc lột lao động làm thuê như một nhà tư bản thông thường. Nhưng điểm khác biệt là ở chỗ: ngoài chức năng một nhà tư bản thông thường, nhà nước còn có chức năng chính trị và các công cụ trấn áp xã hội như quân đội, cảnh sát, nhà tù...Ph.Ăngghen cũng cho rằng nhà nước đó vẫn là nhà nước của các nhà tư bản, là nhà tư bản tập thể lý tưởng và nhà nước ấy càng chuyển nhiều lực lượng sản xuất thành tài sản của nó bao nhiêu thì nó lại càng biến thành nhà tư bản tập thể thực sự bấy nhiêu.

Như vậy, chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là một quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội chứ không phải là một chính sách trong giai đoạn độc quyền của chủ nghĩa tư bản. Bất cứ nhà nước nào cũng có vai trò kinh tế nhất định đối với xã hội mà nó thống trị, song ở mỗi chế độ xã hội, vai trò kinh tế của nhà nước có sự biến đổi thích hợp đối với xã hội đó. Các nhà nước trước chủ nghĩa tư bản chủ yếu can thiệp bằng bạo lực và theo lối cưỡng bức siêu kinh tế. Trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, nhà nước tư sản ở bên trên, bên ngoài quá trình kinh tế, vai trò của nhà nước chỉ dừng lại ở việc điều tiết bằng thuế và pháp luật. Ngày nay vai trò của nhà nước tư sản đã có sự biến đổi, không chỉ can thiệp vào nền sản xuất xã hội bằng thuế, luật pháp mà còn có vai trò tổ chức và quản lý các xí nghiệp thuộc khu vực kinh tế nhà nước, điều tiết bằng các biện pháp đòn bẩy kinh tế vào tất cả các khâu của quá trình tái sản xuất: sản xuất, phân phối, lưu thông, tiêu dùng. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là hình thức vận động mới của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa nhằm duy trì sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản, làm cho chủ nghĩa tư bản thích nghi với điều kiện lịch sử mới và do đó vẫn tiếp tục phát triển.

4.2.1.3. Những biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

❖ Sự kết hợp về nhân sự giữa các tổ chức độc quyền và nhà nước

V.I.Lênin đã từng nhấn mạnh rằng sự liên minh cá nhân của các ngân hàng với công nghiệp được bổ sung bằng sự liên minh cá nhân của ngân hàng và công nghiệp với chính phủ:

Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường

“Hôm nay là bộ trưởng, ngày mai là chủ ngân hàng; hôm nay là chủ ngân hàng, ngày mai là bộ trưởng”. Sự kết hợp về nhân sự thực hiện thông qua các đảng phái tư sản. Chính các đảng phái này đã tạo ra cho tư bản độc quyền một cơ sở xã hội để thực hiện sự thống trị và trực tiếp xây dựng đội ngũ công chức cho bộ máy nhà nước. Cùng với các đảng phái tư sản, là các hội chủ xí nghiệp mang những tên khác nhau, thí dụ: Hội Công nghiệp toàn quốc Mỹ, Tổng Liên đoàn công nghiệp Italia, Liên đoàn các nhà kinh tế Nhật Bản, Liên minh Liên bang công nghiệp Đức, Hội đồng quốc gia giới chủ Pháp, Tổng Liên đoàn công thương Anh...

Các hội chủ xí nghiệp này trở thành lực lượng chính trị, kinh tế to lớn, là chỗ dựa cho chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Các hội chủ này hoạt động thông qua các đảng phái của giai cấp tư sản, cung cấp kinh phí cho các đảng, quyết định về mặt nhân sự và đường lối chính trị, kinh tế của các đảng, tham gia vào việc thành lập bộ máy nhà nước ở các cấp. Mặt khác, chúng còn lập ra các uỷ ban tư vấn bên cạnh các bộ nhằm “lái” hoạt động của nhà nước theo chiến lược của mình. Vai trò của các hội lớn đến mức mà dư luận thế giới đã gọi chúng là những chính phủ đằng sau chính phủ, một quyền lực thực tế đằng sau quyền lực của chính quyền. Thông qua các hội chủ, một mặt các đại biểu của các tổ chức độc quyền tham gia vào bộ máy nhà nước với những cương vị khác nhau; mặt khác, các quan chức và nhân viên chính phủ được cài vào các ban quản trị của các tổ chức độc quyền, giữ những chức vụ trọng yếu chính thức hoặc danh dự, hoặc trở thành những người đỡ đầu các tổ chức độc quyền.

❖ Sự hình thành và phát triển sở hữu tư bản độc quyền nhà nước

Sở hữu độc quyền nhà nước là sở hữu tập thể của giai cấp tư sản độc quyền có nhiệm vụ ủng hộ và phục vụ lợi ích của tư bản độc quyền nhằm duy trì sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản. Nó biểu hiện không những ở chỗ sở hữu nhà nước tăng lên mà còn ở sự tăng cường mối quan hệ giữa sở hữu nhà nước và sở hữu độc quyền tư nhân, hai loại sở hữu này đan kết với nhau trong quá trình tuần hoàn của tổng tư bản xã hội.

Sở hữu nhà nước không chỉ bao gồm những động sản và bất động sản cần cho hoạt động của bộ máy nhà nước, mà gồm cả những doanh nghiệp nhà nước trong công nghiệp và trong các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội như giao thông vận tải, giáo dục, y tế, bảo hiểm xã hội... trong đó ngân sách nhà nước là bộ phận quan trọng nhất.

Sở hữu nhà nước được hình thành dưới nhiều hình thức khác nhau: xây dựng doanh nghiệp nhà nước bằng vốn của ngân sách; quốc hữu hoá các xí nghiệp tư nhân bằng cách mua lại; nhà nước mua cổ phần của các doanh nghiệp tư nhân; mở rộng doanh nghiệp nhà nước bằng vốn tích lũy của các doanh nghiệp tư nhân...

Các doanh nghiệp nhà nước thực hiện các chức năng quan trọng sau:

Một là, mở rộng sản xuất tư bản chủ nghĩa, bảo đảm địa bàn rộng lớn cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Điều này liên quan đến những ngành sản xuất cũ không đứng vững được trong cạnh tranh và có nguy cơ thua lỗ, cũng như các ngành công nghiệp mới nhất đòi hỏi vốn

Bài giảng Kinh tế chính trị Mác - Lênin

đầu tư lớn và trình độ nghiên cứu khoa học, thiết kế và thử nghiệm cao được nhà nước đầu tư phát triển.

Hai là, giải phóng tư bản của tổ chức độc quyền từ những ngành ít lãi để đưa vào những ngành kinh doanh có hiệu quả hơn.

Ba là, làm chỗ dựa cho sự điều tiết kinh tế tư bản chủ nghĩa theo những chương trình nhất định. Cùng với việc nhà nước thực hiện kinh doanh thì thị trường nhà nước cũng hình thành. Sự hình thành thị trường nhà nước với việc nhà nước chủ động mở rộng thị trường trong nước bằng việc bao mua sản phẩm của các xí nghiệp độc quyền thông qua những hợp đồng được ký kết đã giúp tư bản tư nhân khắc phục được một phần khó khăn trong thời kỳ khủng hoảng thừa, góp phần bảo đảm cho quá trình tái sản xuất được diễn ra bình thường. Các hợp đồng ký kết với nhà nước giúp cho các tổ chức độc quyền tư nhân vừa tiêu thụ được hàng hoá vừa bảo đảm lợi nhuận ổn định, vừa khắc phục được tình trạng thiếu nhiên liệu, nguyên liệu chiến lược.

Sự tiêu thụ của nhà nước được thực hiện qua những đơn đặt hàng của nhà nước, quan trọng hơn cả là các đơn đặt hàng quân sự do ngân sách chi mỗi ngày một tăng. Các hợp đồng này bảo đảm cho các độc quyền tư nhân kiếm được một khối lượng lợi nhuận lớn và ổn định, vì tỷ suất lợi nhuận của việc sản xuất các loại hàng hoá đó cao hơn hẳn tỷ suất lợi nhuận thông thường.

Sở hữu nhà nước phản ánh xuyên tạc bản chất của chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, vì nó biểu hiện ra như “có tính xã hội”. Song thực tế nó không vượt qua được khuôn khổ của sở hữu tư bản chủ nghĩa, vì trong các xí nghiệp nhà nước, công nhân vẫn là người lao động làm thuê. Các xí nghiệp nhà nước được sử dụng như những công cụ chủ yếu phục vụ lợi ích của tầng lớp tư bản độc quyền, vì vậy công nhân vẫn không phải là người làm chủ đối với tư liệu sản xuất của xí nghiệp nhà nước.

❖ Sự điều tiết kinh tế của nhà nước tư sản

Một trong những hình thức biểu hiện quan trọng của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là sự điều tiết quá trình kinh tế. Hệ thống điều tiết của nhà nước tư sản hình thành một tổng thể những thiết chế và thể chế kinh tế của nhà nước. Nó bao gồm bộ máy quản lý gắn với hệ thống chính sách, công cụ có khả năng điều tiết sự vận động của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, toàn bộ quá trình tái sản xuất xã hội. Sự điều tiết kinh tế của nhà nước được thực hiện dưới nhiều hình thức như: hướng dẫn, kiểm soát, uốn nắn những lệch lạc bằng các công cụ kinh tế và các công cụ hành chính - pháp lý, bằng cả ưu đãi và trừng phạt; bằng những giải pháp chiến lược dài hạn như lập chương trình, kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế, khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường, bảo hiểm xã hội... và bằng cả các giải pháp ngắn hạn.

Các chính sách kinh tế của nhà nước tư sản là sự thể hiện rõ nét nhất sự điều tiết kinh tế của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Chúng bao gồm nhiều lĩnh vực như chính sách chống khủng hoảng chu kỳ, chống lạm phát, chính sách về tăng trưởng kinh tế, chính sách xã hội, chính sách kinh tế đối ngoại. Các công cụ chủ yếu của nhà nước tư sản để điều tiết kinh tế và thực

Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường

hiện các chính sách kinh tế như ngân sách, thuế, hệ thống tiền tệ - tín dụng, các doanh nghiệp nhà nước, kế hoạch hoá hay chương trình hoá kinh tế và các công cụ hành chính - pháp lý. Tùy thuộc vào điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của từng nước, trong từng thời kỳ và sự vận dụng các học thuyết kinh tế, sự điều tiết kinh tế của nhà nước tư sản có các mô hình thể chế kinh tế khác nhau như “mô hình trọng cầu”, “mô hình trọng cung”, “mô hình trọng tiền”... Những học thuyết kinh tế quan trọng đã được vận dụng vào sự điều tiết kinh tế của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Đó là học thuyết J.Keynes (1883-1946) chiếm vị trí thống trị từ những năm 40 đến 70 của thế kỷ XX, sau đó là học thuyết kinh tế của P.A.Samuelson đang là cơ sở lý luận cho sự điều tiết vĩ mô của nhà nước và quản lý vĩ mô của các doanh nghiệp.

Cơ chế kinh tế của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước: Trong điều kiện chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, cơ chế điều tiết nền sản xuất xã hội có những thay đổi lớn. Sự kết hợp hữu cơ các quan hệ thị trường với sự tác động tập trung của nhà nước tạo ra một hệ thống thống nhất của điều tiết độc quyền nhà nước. Cơ chế thị trường tự do cạnh tranh và cơ chế độc quyền tư nhân đều có những mặt tích cực và tiêu cực. Khi trình độ xã hội hoá của lực lượng sản xuất đã vượt khỏi giới hạn điều tiết của cơ chế thị trường và độc quyền tư nhân thì tất yếu đòi hỏi phải được bổ sung bằng sự điều tiết của nhà nước.

Mặt khác, sự điều tiết của nhà nước cũng có mặt tích cực và hạn chế, đôi khi những sai lầm trong sự điều tiết của nhà nước mang lại hậu quả tai hại hơn cả tác động tiêu cực của cạnh tranh tự do và độc quyền tư nhân. Vì thế, cơ chế điều tiết kinh tế của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là sự dung hợp cả ba cơ chế: thị trường, độc quyền tư nhân và điều tiết của nhà nước nhằm phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của từng cơ chế. Hay nói cách khác, đó là cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước nhằm phục vụ chủ nghĩa tư bản độc quyền.

4.2.2. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản

4.2.2.1. Vai trò tích cực của chủ nghĩa tư bản

Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản đã giải phóng loài người khỏi “đêm trường trung cổ” của xã hội phong kiến; đoạn tuyệt với nền kinh tế tự nhiên, tự cấp tự túc và chuyển sang phát triển kinh tế hàng hóa tư bản chủ nghĩa; chuyển nền sản xuất nhỏ thành sản xuất lớn hiện đại. Dưới sự tác động của các quy luật kinh tế, đặc biệt là quy luật sản xuất giá trị thặng dư, chủ nghĩa tư bản đã làm tăng năng suất lao động nhanh chóng, tạo ra khối lượng vật chất khổng lồ.

Chủ nghĩa tư bản đã thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng lực lượng sản xuất nhờ nắm bắt được những thành tựu của khoa học công nghệ. Cùng với quá trình này là sự giải phóng sức lao động, nâng cao hiệu quả kinh tế, đưa nền kinh tế nhân loại bước vào thời đại kinh tế tri thức.

Chủ nghĩa tư bản đã thực hiện xã hội hóa sản xuất cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Đó là sự phát triển của phân công lao động xã hội, sản xuất tập trung, chuyên môn hóa và hợp tác hóa sâu sắc, mối quan hệ kinh tế giữa các doanh nghiệp, các vùng, các quốc gia ngày càng chặt chẽ tạo thành một hệ thống mang tính toàn cầu.

Bài giảng Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Chủ nghĩa tư bản lần đầu tiên trong lịch sử đã thiết lập nên nền dân chủ tư sản, mặc dù nền dân chủ này chưa hoàn hảo nhưng so với những thể chế chính trị trước đó thì nó tiến bộ hơn rất nhiều vì nó thừa nhận quyền tự do của con người.

4.2.2.2. Những giới hạn phát triển của chủ nghĩa tư bản

Bên cạnh những mặt tích cực, trong quá trình phát triển chủ nghĩa tư bản cũng bộc lộ không ít những hạn chế mang tính lịch sử.

Thứ nhất, mục đích của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa trước hết tập trung chủ yếu vì lợi ích của thiểu số giai cấp tư sản, không phải vì lợi ích của đại đa số quần chúng nhân dân lao động một cách tự giác.

Thứ hai, chủ nghĩa tư bản là một trong những nguyên nhân châm ngòi của hầu hết các cuộc chiến tranh trên thế giới.

Thứ ba, sự phân hóa giàu nghèo ở chính ngay trong lòng các nước tư bản và có xu hướng ngày càng sâu sắc.

4.2.2.3. Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản

Chủ nghĩa tư bản càng phát triển, trình độ xã hội hóa sản xuất ngày càng cao thì quan hệ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa ngày càng trở nên chật hẹp so với nội dung vật chất của nó. Quan hệ sở hữu tư nhân đến một lúc sẽ bị phá vỡ và thay vào đó là quan hệ sở hữu mới - sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất. Điều đó có nghĩa là phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa sẽ được thay thế bằng phương thức sản xuất mới - phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa.

Tuy nhiên, những thay đổi của chủ nghĩa tư bản hiện nay nói lên rằng, chủ nghĩa tư bản vẫn tiếp tục điều chỉnh và phát triển mặc dù sự phát triển này không phải là mãi mãi. Do đó, cần phải tránh suy nghĩ giáo điều, máy móc về sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản. Đồng thời cần có sự chuẩn bị đầy đủ để vừa hợp tác vừa đấu tranh với chủ nghĩa tư bản. Hơn nữa, cần nhận thức rằng chủ nghĩa tư bản trong quá trình phát triển có những nhân tố tự hạn chế, tự phủ định do chính mâu thuẫn trong chính bản thân nó. Những mâu thuẫn này vẫn là những thách thức, đe dọa sự tồn vong của chủ nghĩa tư bản.

CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 4

1. Trình bày nguyên nhân hình thành và những đặc điểm kinh tế cơ bản của độc quyền trong chủ nghĩa tư bản? Những biểu hiện mới về kinh tế của độc quyền trong chủ nghĩa tư bản?
2. Phân tích nguyên nhân ra đời và bản chất của độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa? Vai trò và những giới hạn phát triển của chủ nghĩa tư bản.

NỘI DUNG THẢO LUẬN CHƯƠNG 4

1. Những hệ lụy kinh tế sẽ xảy ra khi xuất hiện sự cạnh tranh giữa các tổ chức độc quyền trong nền kinh tế thị trường? Hãy thảo luận để làm rõ tính quy luật của sự hình thành các tổ chức độc quyền trong nền kinh tế thị trường?

Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường

2. Độc quyền có tác động tích cực đối với nền kinh tế, vậy vì sao cần kiểm soát độc quyền? Có thể kiểm soát độc quyền thực hiện lợi ích của các tổ chức này trong quan hệ lợi ích với xã hội bằng những phương thức nào?